BỘ XÂY DỰNG

**VIỆN KIẾN TRÚC QUỐC GIA**

**PHIẾU THU THẬP SỐ LIỆU**

**ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ HẠ TẦNG CÔNG NGHỆ**

**VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU KIẾN TRÚC TOÀN QUỐC**

***Hướng dẫn chung:***

* *Đối với những câu hỏi/mục lựa chọn, đề nghị đánh dấu* x *(hoặc khoanh tròn) vào ô tương ứng với câu trả lời thích hợp nhất.*
* *Đối với những câu hỏi/mục ghi thông tin, số liệu, đề nghị ghi vào đúng ô hoặc bảng tương ứng.*
* ***Số liệu tại thời điểm điền phiếu:*** *Những trường hợp không có được số liệu chính xác có thể sử dụng* ***số ước tính gần đúng nhất*** *có thể.*
* ***Mọi thông tin cần thiết liên hệ:*** *Ông Nguyễn Quốc Hoàng - Trưởng phòng Quản lý KHKT & Dữ liệu, viện Kiến trúc Quốc gia – Điện thoại: 035.9999.888 – Email: Quochoangkd@gmail.com.*
* ***Địa chỉ gửi phiếu:*** *Viện Kiến trúc Quốc gia – 389 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội.*
1. **THÔNG TIN CHUNG:**
2. **Thông tin chung:**

Tên đơn vị: Sở Xây dựng Cao Bằng

Địa chỉ: 023, phố Bế Văn Đàn, phường Hợp Giang, TP Cao Bằng

Điện thoại: 02063852192

Email: phongquyhoachcb@gmail.com

Website: ……………………………………………………………………………………

Người liên hệ: Nguyễn Thị Phương Hồng

Điện thoại di động: 0915349869

1. **Mục tiêu khảo sát:**

Khảo sát, đánh giá thực trạng, thu thập cơ sở dữ liệu kiến trúc tại các địa phương và hệ thống hạ tầng công nghệ trên cả nước, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao tính khả thi để xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu kiến trúc quốc gia.

Qua đó phân tích các hệ thống cơ sở dữ liệu để đưa ra các giải pháp phù hợp cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu kiến trúc quốc gia.

1. **THỰC TRẠNG THU THẬP DỮ LIỆU KIẾN TRÚC:**

**Câu 1: Đơn vị chịu trách nhiệm thu thập cơ sở dữ liệu kiến trúc tại địa phương:**

🗷 Chưa có

[ ]  Đã có: (Tên đơn vị; người phụ trách; điện thoại/Email)

…………………………………………………………………………………………………...

**Câu 2: Phạm vi thu thập:**

[ ]  Toàn bộ tỉnh/thành phố 🗷 Theo quận/huyện

[ ]  Theo phường/xã [ ]  Khác (nêu rõ)

…………………………………………………………………………………………………...

…………………………………………………………………………………………………...

**Câu 3: Phương pháp thu thập dữ liệu:**

[ ]  Đo đạc, khảo sát thực địa [ ]  Tổng hợp từ hồ sơ cấp phép

🗷 Số hoá tài liệu [ ]  Khác (nêu rõ)

…………………………………………………………………………………………………...

**Câu 4: Quy trình lưu trữ và quản lý dữ liệu kiến trúc:**

🗷 Chưa có

[ ]  Đã có: (mô tả chi tiết)

…………………………………………………………………………………………………...

**Câu 5: Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu hiện tại:**

🗷 Quản lý thủ công

[ ]  Quản lý bằng phần mềm:

 Tên phần mềm: ………………………………………………………………………….

 Nhà cung cấp: …………………………………………………………………………...

 Năm triển khai: ………………………………………………………………………….

 Mức độ sử dụng: [ ]  Sử dụng hoàn toàn

 [ ]  Sử dụng kết hợp

**Câu 6: Dạng dữ liệu lưu trữ:**

🗷 Tài liệu giấy 🗷 Tài liệu điện tử - File mềm [ ]  Khác (mô tả)

…………………………………………………………………………………………………...

…………………………………………………………………………………………………...

**Câu 7: Các loại cơ sở dữ liệu kiến trúc đang quản lý:**

[ ]  Thông tin cơ bản về công trình:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 🗷Loại hình công trình | 🗷 Đơn vị thiết kế | 🗷 Các chỉ tiêu kỹ thuật |

[ ]  Thuyết minh chung/ Báo cáo tổng hợp:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 🗷 Hồ sơ giấy/Ảnh | 🗷 File PDF | 🗷 File Word |

[ ]  Bản vẽ kỹ thuật

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 🗷 Hồ sơ giấy/Ảnh | 🗷 AutoCAD | [ ]  Revit | [ ]  Khác (nêu rõ) |

…………………………………………………………………………………………………......................................................................................................................................................

[ ]  Các giấy tờ pháp lý liên quan

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 🗷 Giấy phép xây dựng | 🗷TC/QC áp dụng | 🗷Các giấy tờ pháp lý khác |

…………………………………………………………………………………………………...

🗷Thông tin về quy hoạch

[ ]  Lịch sử xây dựng và bảo trì: Cập nhật định kỳ theo:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| [ ]  Hàng tháng | [ ]  Hàng quý | 🗷 Hàng năm | [ ]  Khác (nêu rõ) |

…………………………………………………………………………………………………...

[ ]  Thông tin về môi trường và hiệu quả năng lượng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 🗷 Đánh giá tác động MT | 🗷 Hiệu quả năng lượng | 🗷 Giải pháp bền vững |

[ ]  Di sản và bảo tồn

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 🗷 Quản lý di sản | [ ]  Kế hoạch bảo tồn | [ ]  Khác (nêu rõ) |

…………………………………………………………………………………………………...

…………………………………………………………………………………………………...

🗷[ ]  Hình ảnh công trình

[ ]  Hạng mục khác (nêu rõ)

…………………………………………………………………………………………………...

**Câu 8: Các khó khăn tồn tại trong quản lý dữ liệu kiến trúc:**

🗷 Thiếu hệ thống quản lý phù hợp 🗷 Thiếu nguồn nhân lực chuyên môn

[ ]  Thiếu hệ thống lưu trữ 🗷 Không có quy trình rõ ràng

🗷Thiếu kinh phí [ ]  Thiếu sự phối hợp giữa các cơ quan

[ ]  Khó khăn trong tiếp cận nguồn dữ liệu 🗷 Công nghệ và thiết bị lạc hậu

🗷 Dữ liệu thu được không đồng bộ 🗷 Dữ liệu dễ bị mất hoặc hư hỏng

[ ]  Khác (nêu rõ)

**Câu 9: Ứng dụng công nghệ trong quản lý cơ sở dữ liệu:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ứng dụng công nghệ** | **Đã có** | **Đang triển khai** | **Chưa có** |
| Công nghệ BIM |  |  |  🗷 |
| Công nghệ GIS |  |  |  🗷 |
| Điện toán đám mây (Cloud) |  |  |  🗷 |
| Bảo mật dữ liệu |  |  |  🗷 |

Công nghệ khác: (nêu rõ)

…………………………………………………………………………………………………...

**Câu 10: Nhu cầu cải thiện để quản lý tốt hơn:**

🗷 Nâng cấp/phát triển hệ thống phần mềm 🗷 Hiện đại hoá công nghệ thu thập dữ liệu

🗷 Bổ sung/nâng cao năng lực nhân sự 🗷 Hỗ trợ kinh phí

🗷 Cần sự hợp tác giữa các cơ quan [ ]  Ý kiến khác (nêu rõ)

…………………………………………………………………………………………………...

1. **Ý KIẾN ĐỀ XUẤT: Không có**

|  |  |
| --- | --- |
| **Người điền phiếu:***(Ký và ghi rõ họ tên)*Nguyễn Thị Phương Hồng | Ngày tháng 10 năm 2024**Lãnh đạo đơn vị:***(Ký tên, đóng dấu)* |